

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 08/2024/DS-ST
Ngày 24/5/2024
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Bùi Diệu Lương

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Văn Viết Tuấn

+ Ông Thái Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Thùy Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 74/2023/TLST - DS ngày 26 tháng 12 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2024/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2024/QĐST-DS ngày 15/5/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1969; địa chỉ: Khóm H, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Võ Thị M, sinh năm 1969; địa chỉ: Khóm H, thị trấn D, huyện H, tỉnh Quảng Trị; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 11 năm 2023, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị H trình bày:

Bà Võ Thị M có vay tiền của bà Phan Thị H tổng cộng 09 lần với tổng số tiền vay là 1.795.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Ngày 07/6/2022 vay số tiền 350.000.000 đồng.
- Ngày 15/6/2022 vay số tiền 135.000.000 đồng.
- Ngày 16/6/2022 vay số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 22/7/2022 vay số tiền 300.000.000 đồng.
- Ngày 03/8/2022 vay số tiền 150.000.000 đồng.
- Ngày 11/8/2022 vay số tiền 150.000.000 đồng.
- Ngày 17/8/2022 vay số tiền 200.000.000 đồng.
- Ngày 23/8/2022 vay số tiền 160.000.000 đồng.
- Ngày 20/11/2022 vay số tiền 300.000.000 đồng.

Việc vay tiền đều được bà Võ Thị M viết giấy mượn tiền. Tất cả 09 giấy mượn tiền đều do bà M viết và ký.

Trong đó, giấy mượn tiền ngày 07/6/2022, tại dòng ghi số tiền bằng chữ, bà M đã ghi “Ba trăm năm mươi nghìn” là không đúng với số tiền bà H đã cho bà M vay. Số tiền mà bà H đã cho vay tại Giấy mượn tiền này là 350.000.000 đồng đúng với số tiền bà M đã ghi tại dòng ghi bằng số, “350.000.000” và bà H đã chuyển khoản cho bà M vay vào lúc 19 giờ 34 phút tối ngày 06/06/2022, nhưng khi viết giấy mượn tiền bà M đã xin ghi sang ngày 07/06/2022.

Trong giấy mượn tiền ngày 15/6/2022, tại dòng ghi số tiền bằng chữ bà M đã ghi “Một trăm ba mươi lăm” là không đúng với số tiền bà H cho bà M vay. Ngày 15/6/2022 bà H đã chuyển khoản cho bà M vay số tiền 135.000.000 đồng, đúng với số tiền mà bà M đã ghi bằng số tại giấy mượn tiền “135.000.000”.

Tổng cộng 09 lần vay tiền đều có giấy mượn tiền với tổng số tiền là 1.795.000.000 đồng. Các lần vay tiền đều có ghi rõ ngày phải trả tiền, nhưng khi đến hạn trả tiền bà M đã không trả tiền cho bà H. Bà H đã nhiều lần yêu cầu bà M trả tiền nhưng bà M vẫn không trả. Vì vậy, bà H yêu cầu bà M phải trả tổng số tiền đã vay 09 lần là 1.795.000.000 đồng tiền gốc và 63.160.000 tiền lãi, tổng cộng là 1.858.160.000 đồng. Tiền lãi được tính từ ngày bà M vi phạm nghĩa vụ trả tiền.

Tại phiên toà bà Võ Thị M trình bày: Bà thừa nhận đã vay của bà Phan Thị H 09 lần vay với tổng số tiền là 1.795.000.000 đồng, đúng như 09 giấy mượn tiền mà bà H đã trình bày. Việc bà M ghi số tiền bằng chữ tại 02 giấy mượn tiền ngày 07/6/2022 và ngày 15/6/2022 là do bà M ghi nhầm, số tiền bà đã vay tại 02 giấy mượn tiền này lần lượt là 350.000.000 đồng và 135.000.000 đồng, như tại dòng bằng số đã ghi.

Tại phiên tòa bà Võ Thị M cung cấp 01 bản kê ghi “Hụi Hương chưa nộp” và trình bày đây là bản kê tiền hụi mà bà M đã đóng thay cho bà H với số tiền là 91.000.000 đồng. Bà M yêu cầu được trừ số tiền này vào tổng số tiền 1.795.000.000 đồng mà bà đã vay của bà H.

Đối với số tiền lãi mà bà H yêu cầu bà M phải trả là 63.160.000 đồng, bà M không chấp nhận vì theo bà M, vào khoảng cuối năm 2022, bà M và bà H đã thống nhất không tính tiền lãi trên tổng số tiền 1.795.000.000 đồng mà bà M còn nợ của bà H.

Vì điều kiện kinh tế khó khăn nên bà M đề nghị trả cho bà H ít nhất 2.000.000 đồng mỗi tháng đối với tổng số tiền đã vay 1.795.000.000 đồng sau khi được trừ 91.000.000 đồng tiền hui mà bà M đã nộp thay cho bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách pháp lý của người tham gia tố tụng, thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo các phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, triệu tập đương sự đến phiên tòa, tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử và thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát trước khi tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Nguyên đơn bà Phan Thị H đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn Võ Thị M chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463 và 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H, buộc bà Võ Thị M phải trả cho bà Phan Thị H tổng số tiền 1.858.160.000 đồng, trong đó tiền gốc là 1.795.000.000 đồng, lãi là 63.160.000 đồng. Về án phí: Bà Võ Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho bà Phan Thị H số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp. Về chi phí giám định, bà Phan Thị H đã thuận chịu và nộp đủ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Phan Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Võ Thị M trả lại số tiền đã vay, đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có địa chỉ cư trú được ghi trong các giấy vay tiền tại huyện H, tỉnh Quảng Trị nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho nguyên đơn, bị đơn các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải,

quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đến phiên tòa, quyết định hoãn phiên tòa.

[3] Về nội dung vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H thấy rằng, bà Võ Thị M đã vay tiền của bà Phan Thị H 09 lần. Các lần vay tiền đều được bà Võ Thị M viết giấy mượn tiền và ký tên.

Xét các giấy mượn tiền, thấy rằng:

Tại giấy mượn tiền ngày 07/6/2022, bà M đã ghi: Mượn của bà Phan Thị H số tiền 350.000.000 đồng, hạn đến ngày 30/3/2023 sẽ trả, nhưng tại dòng ghi số tiền bằng chữ đã ghi “Ba trăm năm mươi nghìn”. Bà M đã thừa nhận dòng ghi bằng chữ là do bà ghi nhầm, số tiền bà đã vay theo giấy mượn tiền này là 350.000.000 đồng.

Tại giấy mượn tiền ngày 15/6/2022, bà M đã ghi: Mượn của bà Phan Thị H số tiền 135.000.000 đồng, hạn đến ngày 30/5/2023 sẽ trả, nhưng tại dòng ghi số tiền bằng chữ đã ghi “Một trăm ba mươi lăm”. Bà M cũng đã thừa nhận dòng ghi bằng chữ là bà ghi nhầm, số tiền bà đã vay theo giấy mượn tiền này là 135.000.000 đồng.

Tại giấy mượn tiền ngày 16/6/2022, bà M đã ghi: Mượn của bà Phan Thị H số tiền 50.000.000 đồng, hạn đến ngày 16/6/2023 sẽ trả.

Tại giấy mượn tiền ngày 22/7/2022, bà M đã ghi: Mượn của bà Phan Thị H số tiền 300.000.000 đồng, hạn đến ngày 22/7/2023 sẽ trả.

Tại giấy mượn tiền ngày 03/8/2022, bà M đã ghi: Mượn của bà Phan Thị H số tiền 150.000.000 đồng, hạn đến ngày 28/02/2022 sẽ trả. Tại phiên tòa, bà M thừa nhận việc ghi ngày 28/02/2022 hạn trả là do bà ghi nhầm năm, ngày hạn trả là ngày 28/02/2023, bà H cũng đã thống nhất ngày hạn trả trong giấy vay tiền này là ngày 28/02/2023.

Tại giấy mượn tiền ngày 11/8/2022, bà M đã ghi: Mượn của bà Phan Thị H số tiền 150.000.000 đồng, hạn đến ngày 30/4/2023 sẽ trả.

Tại giấy mượn tiền ngày 17/8/2022, bà M đã ghi: Mượn của bà Phan Thị H số tiền 200.000.000 đồng, hạn đến ngày 17/8/2023 sẽ trả.

Tại giấy mượn tiền ngày 23/8/2022, bà M đã ghi: Mượn của bà Phan Thị H số tiền 160.000.000 đồng, hạn đến ngày 23/8/2023 sẽ trả.

Tại giấy mượn tiền ngày 20/11/2022, bà M đã ghi: Mượn của bà Phan Thị H số tiền 300.000.000 đồng, hạn đến ngày 16/01/2023 âm lịch sẽ trả.

Quá trình giải quyết vụ án, bà Võ Thị M không có lời trình bày thừa nhận việc vay tiền, vì vậy bà Phan Thị H đã yêu cầu trưng cầu giám định chữ viết, chữ ký của bà Võ Thị M tại 09 giấy mượn tiền. Tại Kết luận giám định số 116/KL-KTHS ngày 12/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh Q đã kết luận: Chữ viết bằng mực màu xanh trên các mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 với chữ viết trên

các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M7 là do một người viết ra. Chữ ký, chữ viết mang tên Võ Thị M trên mẫu cần giám định ký hiệu từ A1 đến A9 với chữ ký, chữ viết mang tên Võ Thị M trên các mẫu so sánh ký hiệu M1 đến M9 (trừ M4) là do một người ký, viết ra.

Tại phiên tòa bà M thừa nhận đã vay tiền của bà H 09 lần, tiền vay là tiền Việt Nam đồng, đúng như 09 giấy mượn tiền bà H đã trình bày với tổng số tiền là 1.795.000.000 đồng.

Xét, việc vay tiền đều có hẹn ngày trả nhưng bà M đã không trả như cam kết trong giấy mượn tiền. Việc bà M không trả số tiền đã vay theo cam kết trong các giấy mượn tiền là vi phạm nghĩa vụ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự.

Bà M đã đề nghị được trả mỗi tháng ít nhất 2.000.000 đồng nhưng phía bà H không chấp nhận và nội dung này cũng không được thỏa thuận trong các giấy mượn tiền.

Về tiền lãi phải trả: Tại phiên tòa bà Võ Thị M trình bày, vào khoảng tháng 12/2022 bà H đã thống nhất không tính tiền lãi đối với số tiền vay 1.795.000.000 đồng nhưng bà H không thừa nhận. Bà H trình bày, khi đến hạn trả nợ, bà đã tạo điều kiện cho bà M hẹn trả nhiều lần nhưng bà M vẫn không trả. Sau nhiều lần bà M hẹn mà không trả tiền nên bà H mới yêu cầu bà M phải trả thêm số tiền lãi là 63.160.000 đồng trên tổng số tiền 1.795.000.000 đồng, thời điểm tính lãi là từ khi bà M vi phạm ngày hẹn trả theo các giấy mượn tiền đến tại phiên tòa xét xử. Xét yêu cầu về việc trả tiền lãi của bà H và khoản tiền lãi mà bà H yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên cần buộc bà M phải trả cho bà H khoản tiền lãi này.

Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền tổng cộng là 1.858.160.000 đồng, trong đó 1.795.000.000 đồng tiền gốc và 63.160.000 đồng tiền lãi là có cơ sở, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[4] Tại phiên tòa, bà Võ Thị M yêu cầu được trừ 91.000.000 đồng trong số tiền mà bà M phải trả cho bà Phan Thị H, vì đây là số tiền mà bà M đã nộp tiềnhui thay cho bà Phan Thị H. Xét yêu cầu về việc khấu trừ tiền này được bà M đưa ra tại phiên tòa, sau phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án này mà dành quyền yêu cầu của bà M trong vụ án dân sự khác. Bà Võ Thị M có quyền khởi kiện yêu cầu bà Phan Thị H trả số tiền này bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng:

Về án phí: Vì yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, cụ thể là 36.000.000 đồng + (3% x 1.058.160.000) = 67.745.000 đồng. Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định là 6.000.000 đồng. Bà Phan Thị H đã thuận chịu và nộp đủ chi phí giám định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị H

Buộc bà Võ Thị M phải trả cho bà Phan Thị H số tiền là: 1.858.160.000 đồng (*Một tỷ tám trăm năm mươi tám triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng*), trong đó 1.795.000.000 đồng tiền gốc và 63.160.000 đồng tiền lãi theo các giấy mượn tiền ngày 07/6/2022, 15/6/2022, 16/6/2022, 22/7/2022, 03/8/2022, 11/8/2022, 17/8/2022, 23/8/2022, 20/11/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí và chi phí tố tụng:

- Về án phí: Bà Võ Thị M phải chịu 67.745.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi lăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Phan Thị H số tiền tạm ứng án phí 33.872.000 đồng (Ba mươi ba triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu số 0000072 ngày 26/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị.

- Về chi phí tố tụng: Bà Phan Thị H đã thuận chịu và nộp đủ chi phí giám định là 6.000.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND huyện Hải Lăng;
- Chi cục THADS huyện Hải Lăng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Bùi Diệu Lương

